

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần VITALY trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VITALY (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398078 ngày 06/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Ốp lát số 1 - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 là: 80.000.000.000 VND (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên sàn UPCOM với mã giao dịch là VTA.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITALY JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VITALY J.S.CO.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trường Thu	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/4/2022)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên
Ông Đào Quang Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 03/11/2022)
Ông Lưu Hữu Thùy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 11/11/2022)

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị,



Cao Trường Thụ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bình Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Số: 96/2023/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần VITALY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VITALY, được lập ngày 23/3/2023, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường NI, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.839.771.753	101.585.013.948
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.896.902.763	6.012.259.233
1. Tiền	111		1.896.902.763	6.012.259.233
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.347.430.829	14.292.116.260
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.166.458.295	14.274.266.760
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		923.212.534	749.090.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	6.000.000	16.999.500
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(748.240.000)	(748.240.000)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	117.437.436.966	79.583.928.635
1. Hàng tồn kho	141		123.444.960.396	83.567.197.231
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.007.523.430)	(3.983.268.596)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		5.158.001.195	1.696.709.820
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.781.162.161	1.649.908.036
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.295.041.830	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	81.797.204	46.801.784
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82.594.376.024	92.837.674.575
(200=210+220+230+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		67.466.324.597	78.161.688.525
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	67.466.324.597	78.161.688.525
- Nguyên giá	222		317.245.455.875	313.924.504.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(249.779.131.278)	(235.762.815.847)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.669.241.694	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.669.241.694	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	2.880.050.000	2.880.050.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.880.000.000	2.880.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.000	50.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		10.578.759.733	11.795.936.050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	2.032.818.890	3.689.099.509
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.9	8.545.940.843	8.106.836.541
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		215.434.147.777	194.422.688.523
(270 = 100+200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		146.822.492.821	118.113.738.798
I- Nợ ngắn hạn	310		144.102.470.629	112.859.181.118
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	73.724.472.808	53.222.189.494
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		612.065.358	1.847.398.555
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	15.595.303	347.423.444
4. Phải trả người lao động	314		3.897.854.787	4.175.909.356
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	6.168.270.119	6.659.839.293
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	10.241.599.604	9.581.501.662
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	49.433.277.240	37.015.583.904
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.335.410	9.335.410
II- Nợ dài hạn	330		2.720.022.192	5.254.557.680
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	2.720.022.192	5.254.557.680
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		68.611.654.956	76.308.949.725
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	68.611.654.956	76.308.949.725
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.000.000.000	10.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		782.200.000	782.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.170.545.044)	(14.473.250.275)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(14.473.250.275)	(7.204.439.436)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.697.294.769)	(7.268.810.839)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		215.434.147.777	194.422.688.523

Người lập

Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2023



Võ Văn Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	283.548.613.546	212.151.753.910
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.673.359.900	352.286.009
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	281.875.253.646	211.799.467.901
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	263.935.841.159	197.461.840.820
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		17.939.412.487	14.337.627.081
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	432.378.632	386.460.139
7. Chi phí tài chính	22	6.6	2.756.519.181	2.746.175.431
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.317.887.647</i>	<i>2.616.356.008</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	14.351.330.267	11.493.768.756
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	8.753.182.312	7.582.732.316
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(7.489.240.641)	(7.098.589.283)
11. Thu nhập khác	31	6.8	200.648.322	179.468.478
12. Chi phí khác	32	6.8	408.702.450	349.690.034
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	(208.054.128)	(170.221.556)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(7.697.294.769)	(7.268.810.839)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(7.697.294.769)	(7.268.810.839)
18. Lỗ/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(962)	(909)

Người lập



Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(7.697.294.769)	(7.268.810.839)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		14.625.698.707	15.341.044.166
- Các khoản dự phòng	03		2.024.254.834	800.092.811
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		153.858.580	(43.774.072)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(142.556.732)	(157.700.060)
- Chi phí lãi vay	06		2.317.887.647	2.616.356.008
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		11.281.848.267	11.287.208.014
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		2.519.104.027	22.883.154.457
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(40.316.867.467)	1.558.971.759
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		17.500.618.654	(21.983.112.392)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		1.525.026.494	(66.091.367)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.809.456.821)	(2.091.534.460)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(510.579.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.299.726.846)	11.078.016.091
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.001.680.000)	(2.509.147.472)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		290.909.091	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.011.638	157.700.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.698.759.271)	(2.351.447.412)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		54.706.383.406	46.605.674.078
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(44.823.225.558)	(52.886.021.484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.883.157.848	(6.280.347.406)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.115.328.269)	2.446.221.273
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.012.259.233	3.581.925.219
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(28.201)	(15.887.259)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	1.896.902.763	6.012.259.233

Người lập

Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VITALY được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398078 ngày 06/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Ốp lát Số 1 - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 02/3/2020 là: 80.000.000.000 VND (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên sàn UPCOM với mã giao dịch là VTA.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITALY JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VITALY J.S.CO.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 299 người (tại ngày 01/01/2022 là 321 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (thực hiện theo quy hoạch);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ thuộc lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản (trừ môi giới bất động sản);
- (Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2022 là sản xuất và kinh doanh gạch.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Đường N1, khu SXTT Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì	36%	36%	36%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản, áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2022.
- Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư (nếu có).

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Dụng cụ quản lý	03

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng và các đơn vị cho Công ty vay vốn.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh toàn bộ là sản xuất, kinh doanh gạch và hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là các sản phẩm gạch của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	10.841.193	292.902.248
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.886.061.570	5.719.356.985
Tổng	1.896.902.763	6.012.259.233

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Abdul Rahim Kahtan Ltd. Co	1.839.112.473	3.861.137.323
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Fico	-	371.439.475
Tổng Công ty VLXD số 1 - CTCP	5.958.657.447	7.661.931.224
Các khoản phải thu khác	368.688.375	2.379.758.738
Tổng	8.166.458.295	14.274.266.760
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>5.958.657.447</i>	<i>8.033.370.699</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Dương N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Các đối tượng khác	6.000.000	-	16.999.500	-
Tổng	6.000.000	-	16.999.500	-

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	748.240.000	-	748.240.000	-

Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Dịch vụ Môi Trường Xanh

Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đất

Công ty TNHH Thương Mại Xây dựng Hưng Việt Hùng

Trong đó:

	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm		Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm		Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		Quá hạn trên 3 năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Dịch vụ Môi Trường Xanh	-	-	-	-	-	-	548.240.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đất	-	-	-	-	-	-	100.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Xây dựng Hưng Việt Hùng	-	-	-	-	-	-	100.000.000	-
Tổng	-	-	-	-	-	-	748.240.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
 Đường N1, Khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, Khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
 thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	19.648.487.340	-	19.872.035.096	-	
Công cụ, dụng cụ	4.799.249.364	-	3.089.038.336	-	
Thành phẩm	98.997.223.692	(6.007.523.430)	60.606.123.799	(3.983.268.596)	
Tổng	123.444.960.396	(6.007.523.430)	83.567.197.231	(3.983.268.596)	

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.781.162.161	1.649.908.036		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng cho phân xưởng sản xuất	665.136.974	549.018.637		
Bảo hiểm	84.462.984	106.426.179		
Phí dịch vụ sửa chữa	69.333.333	-		
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	962.228.870	994.463.220		
b) Dài hạn	2.032.818.890	3.689.099.509		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.807.889.850	3.015.129.407		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	224.929.040	673.970.102		
Tổng	3.813.981.051	5.339.007.545		



CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
 Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
 thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2022	81.660.425.483	225.609.510.435	6.590.890.272	63.678.182	313.924.504.372
Tăng trong năm	-	4.090.698.776	-	-	4.090.698.776
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.090.698.776	-	-	4.090.698.776
Giảm trong năm	-	-	(769.747.273)	-	(769.747.273)
Thanh lý nhượng bán	-	-	(769.747.273)	-	(769.747.273)
Số dư tại 31/12/2022	81.660.425.483	229.700.209.211	5.821.142.999	63.678.182	317.245.455.875
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2022	47.102.097.399	183.290.620.608	5.323.792.319	46.305.521	235.762.815.847
Tăng trong năm	3.485.669.090	10.837.985.131	288.981.159	13.063.327	14.625.698.707
Khấu hao trong năm	3.485.669.090	10.837.985.131	288.981.159	13.063.327	14.625.698.707
Giảm trong năm	-	-	(609.383.276)	-	(609.383.276)
Thanh lý nhượng bán	-	-	(609.383.276)	-	(609.383.276)
Số dư tại 31/12/2022	50.587.766.489	194.128.605.739	5.003.390.202	59.368.848	249.779.131.278
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	34.558.328.084	42.318.889.827	1.267.097.953	17.372.661	78.161.688.525
Tại ngày 31/12/2022	31.072.658.994	35.571.603.472	817.752.797	4.309.334	67.466.324.597

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 với giá trị là 167.877.353.165 VND (Tại ngày 01/01/2022 là 154.314.099.098 VND).
 Giá trị còn lại của tài sản cố định cần có, thể chấp tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2022 với giá trị là 17.632.999.510 VND (Tại ngày 01/01/2022 là 22.778.998.457 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
 Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
 thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Đổi tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2022		01/01/2022	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc hợp lý (*) phòng	Số lượng	Giá gốc hợp lý (*) phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết						
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	36%	36%	308.160	2.880.000.000	308.160	2.880.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Đá Hòa An			5	50.000	5	50.000
Tổng				2.880.050.000		2.880.050.000

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư đề thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết, đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2022 như sau:

Đổi tượng đầu tư	Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1		Dường N1, khu SXTT Bình chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì
Đầu tư vào đơn vị khác			
Công ty Cổ phần Đá Hòa An		Áp Cầu Hang, Xã Hòa An, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD, buôn bán vật tư kỹ thuật thiết bị xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
 Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
 thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng dự trữ để dự phòng thay thế, sửa chữa các dây chuyền máy móc, thiết bị.	8.545.940.843	8.106.836.541
Tổng	8.545.940.843	8.106.836.541

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	19.365.859.006	19.365.859.006	27.993.460	27.993.460
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	9.614.741.542	9.614.741.542	8.497.408.052	8.497.408.052
Công ty Cổ phần Công nghệ He Xa Gon	1.327.692.430	1.327.692.430	2.118.248.563	2.118.248.563
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Vinatop	327.960.320	327.960.320	847.900.700	847.900.700
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Fico	-	-	5.001.975.000	5.001.975.000
Công ty TNHH Than Thịnh Huyền	3.715.182.992	3.715.182.992	5.412.206.720	5.412.206.720
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Long Thiên Nam	7.847.829.280	7.847.829.280	3.282.814.090	3.282.814.090
Các nhà cung cấp khác	31.525.207.238	31.525.207.238	28.033.642.909	28.033.642.909
Tổng	73.724.472.808	73.724.472.808	53.222.189.494	53.222.189.494
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	29.013.521.567	29.013.521.567	13.779.762.210	13.779.762.210

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	347.423.444	2.582.591.447	2.914.419.588	15.595.303
Thuế GTGT	336.925.220	1.641.483.278	1.978.408.498	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	70.480.834	70.480.834	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	811.208.925	795.613.622	15.595.303
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	10.498.224	56.418.410	66.916.634	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	46.801.784	41.600.536	76.595.956	81.797.204
Thuế TNDN nộp thừa	46.801.784	-	-	46.801.784
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	41.600.536	76.595.956	34.995.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lãi vay phải trả Công ty Mua bán Nợ và Tài sản Tồn đọng của DN	5.900.573.024	6.500.573.024
Lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	267.697.095	159.266.269
Tổng	6.168.270.119	6.659.839.293

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	56.589.843	110.365.483
Tổng Công ty VLXD số 1 - CTCP (*)	9.362.349.088	8.861.588.199
Bếp ăn công ty	330.293.639	261.180.946
Các khoản phải trả, phải nộp khác	492.367.034	348.367.034
Tổng	10.241.599.604	9.581.501.662

*Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết
tại Thuyết minh 7.1)*

	9.362.349.088	8.861.588.199
--	---------------	---------------

(*) Trong đó, chủ yếu là khoản chi phí lãi vay phải trả cho Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP theo hợp đồng vay vốn số 01/07/HĐVV-VITALY ngày 25/12/2006 với số tiền là 4.509.591.893 VND và khoản chênh lệch phải trả cổ phần hóa tại thời điểm bàn giao sau khi quyết toán thuế năm 2004 với số tiền là 4.852.757.195 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
 Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
 thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Vay

31/12/2022

Trong năm

01/01/2022

Đơn vị tính: VND

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả	49.433.277.240	49.433.277.240	57.240.918.894	44.823.225.558	37.015.583.904	37.015.583.904
Vay ngắn hạn	23.875.271.312	23.875.271.312	52.123.023.406	39.272.121.558	11.024.369.464	11.024.369.464
Vay ngân hàng	23.875.271.312	23.875.271.312	52.123.023.406	39.272.121.558	11.024.369.464	11.024.369.464
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN CN Bình Dương [11]	23.875.271.312	23.875.271.312	52.123.023.406	39.272.121.558	11.024.369.464	11.024.369.464
Vay dài hạn đến hạn trả	25.558.005.928	25.558.005.928	5.117.895.488	5.551.104.000	25.991.214.440	25.991.214.440
Nợ dài hạn đến hạn trả các bên liên quan	20.579.214.440	20.579.214.440	-	-	20.579.214.440	20.579.214.440
Tổng công ty Việt liên Xây dựng số 1 - CTCP [2]	20.579.214.440	20.579.214.440	-	-	20.579.214.440	20.579.214.440
Nợ dài hạn đến hạn trả các tổ chức và các nhân khác	4.978.791.488	4.978.791.488	5.117.895.488	5.551.104.000	5.412.000.000	5.412.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương [3]	4.978.791.488	4.978.791.488	5.117.895.488	5.551.104.000	5.412.000.000	5.412.000.000
b) Vay dài hạn	2.720.022.192	2.720.022.192	2.583.360.000	5.117.895.488	5.254.557.680	5.254.557.680
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương [3]	2.720.022.192	2.720.022.192	2.583.360.000	5.117.895.488	5.254.557.680	5.254.557.680
Tổng	52.153.299.432	52.153.299.432	59.824.278.894	49.941.121.046	42.270.141.584	42.270.141.584
<i>Trong đó, Vay là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>20.579.214.440</i>	<i>20.579.214.440</i>			<i>20.579.214.440</i>	<i>20.579.214.440</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[1] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/93269/HDDTD ngày 06/01/2022 với Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 20.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp bảo đảm là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của hàng mục nhà sản xuất dây chuyền 3, 4, 5; và một số tài sản là máy móc thiết bị khác. Biện pháp bảo đảm:

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/93269/HDBD ngày 27/10/2014 được ký giữa Công ty Cổ phần VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/93269/HDBD ngày 01/02/2016 được ký giữa Công ty Cổ phần VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là lò than xích và máy mài cạnh.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/93269/HDBD ngày 30/8/2017 được ký giữa Công ty Cổ phần VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là 5 Máy in kỹ thuật số.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/93269/HDBD ngày 23/3/2020 được ký giữa Công ty Cổ phần VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081541 do Phòng CSGT - Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2018.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2020/93269/HDBD ngày 24/3/2020 được ký giữa Công ty Cổ phần VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp bao gồm máy ép gạch hiệu HTL, model YP3609, năm sản xuất 2018; máy móc và thiết bị đồng bộ lò nung gạch năm sản xuất 2018.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2020/93269/HDBD ngày 19/9/2020 được ký giữa Công ty Cổ phần VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là hệ thống trạm khí hóa than theo Hợp đồng mua bán số 14062019/HDMB/VTL-VNT ngày 14/6/2019 với Công ty CP Tập đoàn Vina Top.

[2] Hợp đồng vay vốn số 01/07/HDVV - VITALY ngày 25/12/2006 được ký giữa Công ty Cổ phần VITALY và Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP với thời hạn vay là 5 năm và lãi suất là 0,2%/tháng. Phương thức đàm bảo khoản vay này bằng tín chấp.

[3] Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với các hợp đồng vay thời hạn 36 tháng và 60 tháng kể từ khi nhận nợ, với lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp là 5 máy in kỹ thuật số và xe ô tô 7 chỗ và máy ép than.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
 Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
 thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng
	Số dư tại 01/01/2021	Lỗ trong năm trước	Số dư tại 01/01/2022	Lỗ trong năm nay	Số dư tại 01/01/2022	Số dư tại 31/12/2022	Số dư tại 01/01/2022	Số dư tại 31/12/2022	
Số dư tại 01/01/2021	80.000.000.000	-	10.000.000.000	-	782.200.000	-	(7.204.439.436)	83.577.760.564	
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(7.268.810.839)	(7.268.810.839)	
Số dư tại 31/12/2021	80.000.000.000	-	10.000.000.000	-	782.200.000	-	(14.473.250.275)	76.308.949.725	
Số dư tại 01/01/2022	80.000.000.000	-	10.000.000.000	-	782.200.000	-	(14.473.250.275)	76.308.949.725	
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(7.697.294.769)	(7.697.294.769)	
Số dư tại 31/12/2022	80.000.000.000	-	10.000.000.000	-	782.200.000	-	(22.170.545.044)	68.611.654.956	

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2022				Tại ngày 01/01/2022				
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - C.TCP	30,75	2.460.000	24.600.000.000	30,75	2.460.000	24.600.000.000	30,75	2.460.000	24.600.000.000
Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của DN	25,00	2.000.000	20.000.000.000	25,00	2.000.000	20.000.000.000	25,00	2.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Gạch men Thanh Thanh	21,45	1.715.900	17.159.000.000	21,45	1.715.900	17.159.000.000	21,45	1.715.900	17.159.000.000
Các cổ đông khác	22,80	1.824.100	18.241.000.000	22,80	1.824.100	18.241.000.000	22,80	1.824.100	18.241.000.000
Tổng	100	8.000.000	80.000.000.000	100	8.000.000	80.000.000.000	100	8.000.000	80.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	80.000.000.000	80.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	782.200.000	782.200.000
Tổng	782.200.000	782.200.000

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền USD	2.820,35	167.037,09
Tổng	2.820,35	167.037,09

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Trần Quốc Tiến (i)	2.934.347.458	2.934.347.458
Công ty TNHH Bắc Âu (i)	1.671.343.963	1.671.343.963
Công ty CP SX TMDV Gạch Mỹ (i)	833.015.278	833.015.278
Các đối tượng khác (i)	5.597.178.513	5.597.178.513
Tổng	11.035.885.212	11.035.885.212

(i) Nguyên nhân xóa nợ: Nợ khó đòi lâu năm, không có khả năng thu hồi, đã trích dự phòng nợ khó đòi 100% trên 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán thành phẩm	275.750.250.321	198.237.019.945
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	7.798.363.225	13.914.733.965
Tổng	283.548.613.546	212.151.753.910
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>139.235.353.580</i>	<i>126.081.764.936</i>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chiết khấu thương mại	260.187.747	-
- Giảm giá hàng bán	1.231.417.805	154.198.868
- Hàng bán bị trả lại	181.754.348	198.087.141
Tổng	1.673.359.900	352.286.009
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>773.388.683</i>	<i>320.547.287</i>

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	274.076.890.421	197.884.733.936
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	7.798.363.225	13.914.733.965
Tổng	281.875.253.646	211.799.467.901

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	253.963.897.790	183.006.059.177
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	7.947.688.535	13.655.688.832
Dự phòng giảm giá của hàng tồn kho	2.024.254.834	800.092.811
Tổng	263.935.841.159	197.461.840.820

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	12.011.638	3.620.060
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	154.080.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	420.366.994	228.760.079
Tổng	432.378.632	386.460.139

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	2.317.887.647	2.616.356.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	284.772.954	129.819.423
Lỗ Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	153.858.580	-
Tổng	2.756.519.181	2.746.175.431

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí bán hàng	14.351.330.267	11.493.768.756
Chi phí nhân viên bán hàng	6.063.882.302	4.641.591.719
Chi phí xuất khẩu gạch	4.747.519.296	4.002.319.604
Chi phí vật liệu, bao bì	642.792.496	537.226.085
Chi phí bốc xếp, vận chuyển gạch	1.651.223.224	996.414.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	541.265.232	573.533.663
Chi phí bằng tiền khác	704.647.717	742.683.666
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.753.182.312	7.582.732.316
Chi phí nhân viên quản lý	5.393.183.894	4.107.882.974
Chi phí đồ dùng văn phòng	310.679.703	97.481.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	299.323.587	439.123.620
Thuế phí và lệ phí	311.128.513	237.432.491
Chi phí trợ cấp thôi việc	385.751.583	232.785.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.536.247.658	1.560.355.355
Chi phí bằng tiền khác	516.867.374	907.671.216
Tổng	23.104.512.579	19.076.501.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.8 Lợi nhuận khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	130.545.094	-
Cho thuê xe	-	75.000.000
Các khoản khác	70.103.228	104.468.478
Tổng	200.648.322	179.468.478
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp BHXH	-	3.140.381
Chi phí khác	394.044.375	191.547.777
Phạt chậm nộp thuế	14.658.075	155.001.876
Tổng	408.702.450	349.690.034
Lợi nhuận khác	(208.054.128)	(170.221.556)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	233.878.823.117	131.426.192.912
Chi phí nhân công	49.299.544.149	37.821.466.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.625.698.707	15.341.044.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.578.724.508	25.796.676.387
Chi phí khác bằng tiền	2.270.889.681	2.347.229.490
Tổng	323.653.680.162	212.732.609.773

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.697.294.769)	(7.268.810.839)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	740.601.621	707.984.378
Chi phí không được trừ	645.029.266	657.042.450
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của tiền, phải thu khách hàng	95.572.355	50.941.928
Thu nhập chịu thuế	(6.956.693.148)	(6.560.826.461)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.11 Lỗ, lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.697.294.769)	(7.268.810.839)
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.697.294.769)	(7.268.810.839)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	8.000.000	8.000.000
Lỗ, lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(962)	(909)

7. THÔNG TIN KHÁC

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch, số dư, các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này:

Stt	Bên liên quan	Chức danh
1	Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống
3	Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết
4	Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống
5	Công ty CP Cơ Khí Xây dựng Tân Định Fico	Cùng hệ thống
6	Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh Fico	Cùng hệ thống
7	Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của DN	Cổ đông lớn
8	Công ty Cổ phần Gạch mem Thanh Thanh	Cùng hệ thống
9	Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch HĐQT
10	Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022)
11	Ông Ngô Xuân Chính	Thành viên HĐQT
12	Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên HĐQT
13	Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên HĐQT
14	Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên HĐQT
15	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng ban Kiểm soát
16	Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên Kiểm soát
17	Ông Phi Trần Hoàng Duy	Thành viên Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 16/4/2021)
18	Ông Đào Quang Sơn	Thành viên Kiểm soát
19	Ông Phạm Minh Tâm	Thư ký
20	Ông Võ Văn Tùng	Tổng Giám đốc
21	Ông Huỳnh Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 03/11/2022)
22	Ông Lưu Hữu Thùy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 11/11/2022)
23	Bà Phạm Thị Quế	Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thủ lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2022		Năm 2021	
		VND	VND	VND	VND
Hội đồng Quản trị		146.000.000	156.000.000		
Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000		
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022)	30.000.000	-		
Ông Ngô Xuân Chính	Thành viên	-	30.000.000		
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên	30.000.000	30.000.000		
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên	20.000.000	30.000.000		
Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên	30.000.000	30.000.000		
Ban Kiểm soát		102.000.000	102.000.000		
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng ban	30.000.000	30.000.000		
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên	30.000.000	30.000.000		
Ông Phi Trần Hoàng Duy	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 16/4/2021)	24.000.000	24.000.000		
Ông Đào Quang Sơn	Thành viên	24.000.000	24.000.000		
Ông Phạm Minh Tâm	Thư ký	-	8.000.000		
Ban Giám đốc		1.606.448.000	870.137.959		
Ông Võ Văn Tùng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	750.656.000	509.432.500		
Ông Huỳnh Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 03/01/2022)	506.785.000	360.705.459		
Ông Lưu Hữu Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 11/11/2022)	349.007.000	-		
Kế toán trưởng		472.250.000	334.422.667		
Bà Phạm Thị Quế	Kế toán trưởng	472.250.000	334.422.667		
Tổng		2.326.698.000	1.462.560.626		

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)
a) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	
		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giao dịch bán			
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	Bán hàng	Bán hàng
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Bán hàng	Bán hàng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống	Bán hàng	Bán hàng
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Bán hàng	Bán hàng
Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây dựng Tân Định Fico	Cùng hệ thống	Bán hàng	Bán hàng
Giao dịch mua			
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Mua hàng	Mua hàng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống	Mua hàng	Mua hàng
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh Fico	Cùng hệ thống	Mua hàng	Mua hàng
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	Mua hàng	Mua hàng
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	Mua hàng
Giao dịch khác			
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	Bồi thường gạch bê
			Bồi thường gạch bê
			Chi phí quản lý phần mềm kế toán
			Cho thuê xe
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống	Bồi thường gạch bê	
			Cổ tức nhận trong năm
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết	Phi hỗ trợ gạch bê	
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống	Xuất điều chỉnh	
Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của DN	Cổ đông lớn	Lãi vay đã trả	
Giảm trừ doanh thu			
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP		Chiết khấu thương mại	
		Hàng bán bị trả	
		Giảm giá hàng bán	
		Hàng bán bị trả	
		Giảm giá hàng bán	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico			

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
 Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
 thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Fico	-	5.001.975.000
Công ty Cổ phần Gạch Đồng Nam Á	32.921.019	252.385.698
Công ty TNHH MTV Cát Cẩm Ranh Fico	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	9.614.741.542	8.497.408.052
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	19.365.859.006	27.993.460
Tổng	29.013.521.567	13.779.762.210
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	5.958.657.447	7.661.931.224
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Fico	-	371.439.475
Tổng	5.958.657.447	8.033.370.699
Phải trả khác		
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	9.362.349.088	8.861.588.199
Tổng	9.362.349.088	8.861.588.199
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	20.579.214.440	20.579.214.440
Tổng	20.579.214.440	20.579.214.440

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ là hoạt động sản xuất và kinh doanh gạch.

Khu vực địa lý

Các sản phẩm gạch của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, như sau:

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	249.497.857.189	32.377.396.457	281.875.253.646
Giá vốn hàng bán	(233.619.042.299)	(30.316.798.860)	(263.935.841.159)
Lợi nhuận gộp	15.878.814.890	2.060.597.597	17.939.412.487
Kết quả bộ phận			
Doanh thu hoạt động tài chính	382.713.774	49.664.858	432.378.632
Chi phí tài chính	2.439.893.606	316.625.575	2.756.519.181
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	20.450.629.508	2.653.883.071	23.104.512.579
Thu nhập khác	177.600.998	23.047.324	200.648.322
Chi phí khác	361.757.140	46.945.310	408.702.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	(6.813.150.592)	(884.144.177)	(7.697.294.769)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, như sau:

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Doanh thu tiêu thụ trong nước	Doanh thu xuất khẩu	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.478.241.882	33.321.226.019	211.799.467.901
Giá vốn hàng bán	(166.396.273.502)	(31.065.567.318)	(197.461.840.820)
Lợi nhuận gộp	12.081.968.380	2.255.658.701	14.337.627.081
Kết quả bộ phận			
Doanh thu hoạt động tài chính	325.660.526	60.799.613	386.460.139
Chi phí tài chính	2.314.135.006	432.040.425	2.746.175.431
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	16.075.301.824	3.001.199.248	19.076.501.072
Thu nhập khác	151.233.706	28.234.772	179.468.478
Chi phí khác	294.675.256	55.014.778	349.690.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	(6.125.249.474)	(1.143.561.365)	(7.268.810.839)

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn,
khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2022:

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Tài sản bộ phận	7.142.427.256	1.947.243.573	9.089.670.829
Tài sản không phân bổ			206.344.476.948
Tổng tài sản			215.434.147.777
Nợ phải trả bộ phận	72.238.717.246	2.097.820.920	74.336.538.166
Nợ phải trả không phân bổ			72.485.954.655
Tổng nợ phải trả			146.822.492.821

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2022:

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Tài sản bộ phận	11.023.819.274	3.999.537.486	15.023.356.760
Tài sản không phân bổ			179.399.331.763
Tổng tài sản			194.422.688.523
Nợ phải trả bộ phận	52.111.440.914	2.958.147.135	55.069.588.049
Nợ phải trả không phân bổ			63.044.150.749
Tổng nợ phải trả			118.113.738.798

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng